

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

TS. Tôn Thu Hiền* - Phạm Hà Anh**

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, ngành Thuế Việt Nam đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm hiện đại hóa công tác quản lý, hướng tới hệ thống thuế minh bạch, hiệu quả và thân thiện với người nộp thuế. Bài viết phân tích quá trình chuyển đổi số trong quản lý thuế đối với khu vực kinh tế tư nhân, làm rõ kết quả đạt được, những tồn tại và thách thức về thể chế, hạ tầng, nhân lực và an ninh dữ liệu. Dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phân tích chính sách và tài liệu thực tiễn, bài viết đề xuất khung tiếp cận “Ba trụ cột - Hai điều kiện”, bao gồm: (i) hoàn thiện thể chế và khung pháp lý; (ii) phát triển hạ tầng công nghệ và hệ sinh thái dữ liệu; (iii) xây dựng nguồn nhân lực và văn hóa số, cùng hai điều kiện bảo đảm là an ninh mạng - bảo mật dữ liệu và môi trường hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi số. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ thực tiễn cho cải cách hệ thống thuế Việt Nam theo hướng số hóa toàn diện, hiệu quả và bền vững.

• Từ khóa: chuyển đổi số; quản lý thuế; kinh tế tư nhân; hệ sinh thái dữ liệu; thuế điện tử.

In the context of national digital transformation, Vietnam's tax administration system has been accelerating the adoption of digital technologies to modernize its operations toward greater transparency, efficiency, and taxpayer satisfaction. This study examines the process of digital transformation in tax administration for the private sector, highlighting achievements as well as institutional, technological, human resource, and data security challenges. Using a qualitative research approach that combines policy analysis and document synthesis, the paper proposes the “Three Pillars - Two Conditions” framework, consisting of: (i) improving institutions and legal frameworks; (ii) developing technological infrastructure and data ecosystems; and (iii) building human resources and a digital culture, supported by two conditions—cybersecurity and data protection, and an enabling environment for private enterprises' digital adoption. The findings contribute practical insights to support the reform of Vietnam's tax system toward comprehensive digitalization, operational efficiency, and sustainable development.

• Key words: digital transformation; tax administration; private sector; data ecosystem; e-tax.

Ngày nhận bài: 02/10/2025

Ngày gửi phản biện: 05/10/2025

Ngày duyệt đăng: 29/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i299.18>

Nhóm tác giả sử dụng các kỹ thuật phân tích nội dung, tổng hợp logic và so sánh chính sách nhằm làm rõ tiến trình ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế, nhận diện thách thức và đề xuất khuyến nghị chính sách. Cách tiếp cận này cho phép kết hợp giữa cơ sở lý luận về quản trị công trong kỷ nguyên số và bằng chứng thực tiễn từ Việt Nam cùng kinh nghiệm quốc tế.

2. Thực trạng chuyển đổi số trong quản lý thuế đối với khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam

2.1. Tiến trình chuyển đổi số trong ngành thuế Việt Nam

Từ năm 2020 đến nay, ngành Thuế Việt Nam triển khai đồng bộ nhiều hệ thống công nghệ số trong toàn bộ chu trình quản lý. Việc hợp nhất các hệ thống khai - nộp - hoàn thuế điện tử vào *Cổng thông tin eTax* đã tạo nền tảng thống nhất, giúp người nộp thuế thực hiện đầy đủ nghĩa vụ từ đăng ký đến tra cứu kết quả trực tuyến. Ứng dụng *eTax Mobile* đưa hoạt động nộp thuế lên điện thoại thông minh, phục vụ hơn 3 triệu người dùng, trong khi *Cổng thông tin dành cho nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN)* cho phép doanh nghiệp không có cơ sở thường trú tại Việt Nam kê khai, nộp thuế xuyên biên giới.

Năm 2022, Việt Nam triển khai *hóa đơn điện tử toàn quốc*, đánh dấu bước ngoặt trong quản lý thu - nộp ngân sách, góp phần chống thất thu, hạn chế gian lận và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Cùng thời điểm, Tổng cục Thuế xây dựng *Trung tâm điều hành*

1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng phương pháp định tính kết hợp phân tích chính sách và so sánh kinh nghiệm quốc tế. Dữ liệu được tổng hợp từ văn bản pháp luật, báo cáo của Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế, các nghiên cứu của OECD, IMF, WB và các tài liệu chuyên ngành giai đoạn 2020-2025 - thời kỳ ngành Tài chính thực hiện Chiến lược chuyển đổi số đến năm 2030.

* Học viện Tài chính; email: tonthuhientc@gmail.com

** Công ty CP TM&ĐT Quốc tế Nam Anh

thông minh và hệ thống quản lý rủi ro dựa trên dữ liệu lớn, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (ML) và tự động hóa quy trình (RPA) để phân tích tuân thủ người nộp thuế.

Những nỗ lực này đưa Việt Nam tiệm cận mô hình quản lý thuế thông minh (Smart e-Tax) mà OECD khuyến nghị, hướng tới nền hành chính thuế số hóa toàn diện, minh bạch và hiệu quả.

2.2. Kết quả đạt được

Chuyển đổi số giúp giảm mạnh chi phí hành chính và thời gian tuân thủ. Theo Tổng cục Thuế (2024), thời gian thực hiện nghĩa vụ thuế giảm từ 537 giờ/năm (2015) xuống còn 117 giờ/năm; tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp thuế điện tử đạt 99%; 100% doanh nghiệp đã áp dụng hóa đơn điện tử. Hệ thống eTax Mobile giúp cá nhân tự kê khai, tra cứu và nộp thuế thuận tiện, giảm tiếp xúc trực tiếp với cơ quan thuế. Ở góc độ phục vụ, ngành thuế đã vận hành Trợ lý ảo thuế (Tax Virtual Assistant) giải đáp hàng nghìn câu hỏi mỗi ngày; công dịch vụ công cung cấp hơn 150 thủ tục số hóa mức độ 3-4. Những cải cách này nâng cao rõ rệt chỉ số hài lòng của người nộp thuế.

Về hiệu quả quản lý, dữ liệu hóa đơn và kê khai điện tử được tự động đối chiếu giúp phát hiện gian lận, khống chế hóa đơn giả, kê khai khống. Việc ứng dụng công nghệ nhận dạng, mã QR, chữ ký số và tích hợp dữ liệu ngân hàng góp phần tăng minh bạch và giảm thất thu.

Ngoài ra, việc kết nối dữ liệu với Bộ Công Thương, ngân hàng, các sàn thương mại điện tử giúp mở rộng cơ sở thuế, từng bước quản lý khu vực phi chính thức và hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới. Nhờ đó, thu ngân sách từ khu vực kinh tế tư nhân và TMĐT tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2022-2024.

2.3. Hạn chế và thách thức

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, quá trình chuyển đổi số trong quản lý thuế tại Việt Nam vẫn đối mặt với những hạn chế mang tính cấu trúc và hệ thống. Những thách thức này không chỉ nằm ở mặt kỹ thuật, mà còn gắn chặt với thể chế, nhân lực, năng lực quản trị và mức độ sẵn sàng của khu vực tư nhân. Việc nhận diện chính xác các vấn đề này là cơ sở để hoạch định chính sách và thiết kế mô hình chuyển đổi số bền vững trong tương lai.

(1) Hạn chế về hạ tầng công nghệ và khả năng kết nối dữ liệu

Hạ tầng công nghệ thông tin của ngành Thuế đã được đầu tư đáng kể nhưng vẫn thiếu tính đồng bộ và tích hợp. Nhiều ứng dụng được phát triển độc lập, không kết nối xuyên suốt giữa các cấp quản lý, dẫn

đến phân mảnh dữ liệu và hạn chế khả năng phân tích dự báo. Ở cấp địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, điều kiện hạ tầng mạng và thiết bị đầu cuối còn yếu khiến quá trình xử lý hồ sơ điện tử chậm và thiếu ổn định.

Sự thiếu vắng cơ sở dữ liệu tài chính - kinh tế quốc gia thống nhất cũng làm giảm hiệu quả quản lý. Dữ liệu giữa ngành Thuế với ngân hàng, hải quan, kế hoạch - đầu tư, công an và các bộ ngành khác mới dừng ở mức thử nghiệm, chưa có quy chuẩn chia sẻ đồng bộ. Điều này khiến các hoạt động phân tích rủi ro, phát hiện gian lận và đánh giá tuân thủ chưa được tự động hóa hoàn toàn, làm tăng chi phí hành chính và giảm giá trị của hệ thống dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước.

(2) Hạn chế về nhân lực và năng lực số

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định của chuyển đổi số, nhưng hiện nay năng lực số của cả cán bộ thuế và doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều cán bộ thuế thiếu kỹ năng phân tích dữ liệu, quản trị rủi ro và vận hành hệ thống thông minh. Việc đào tạo chủ yếu thiên về lý thuyết, chưa cập nhật công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, robot tự động hóa quy trình (RPA) hay blockchain. Sự thiếu hụt nhân lực chất lượng cao dẫn tới tình trạng phụ thuộc vào chuyên gia bên ngoài, làm giảm tính chủ động của cơ quan thuế.

Về phía khu vực tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), mức độ sẵn sàng số còn thấp. Nhiều đơn vị chưa có chữ ký số, hạ tầng phần mềm kế toán không tương thích với hệ thống eTax, hoặc vẫn nộp thuế thủ công. Điều này cho thấy chuyển đổi số trong quản lý thuế phải được tiếp cận như một tiến trình song hành giữa Nhà nước và doanh nghiệp, trong đó năng lực số của cả hai phía cần được nâng cao đồng bộ.

(3) Khoảng trống và bất cập trong khuôn khổ pháp lý

Khung pháp lý hiện hành chưa bắt kịp thực tiễn của nền kinh tế số. Mặc dù Luật Quản lý thuế (2019) và Luật Giao dịch điện tử đã tạo nền tảng cho giao dịch điện tử, song vẫn thiếu các quy định cụ thể về quản lý, lưu trữ, chia sẻ và xác thực dữ liệu số. Các quy định về hóa đơn điện tử, định danh, an ninh mạng, và bảo vệ dữ liệu cá nhân còn phân tán, thiếu tính hệ thống, dẫn đến khoảng trống trong quản lý thuế xuyên biên giới, thương mại điện tử và kinh tế nền tảng.

Đặc biệt, Việt Nam chưa có cơ chế chia sẻ dữ liệu bắt buộc và liên thông tự động giữa các cơ quan nhà nước. Việc phối hợp hiện nay chủ yếu dựa trên thỏa thuận hành chính, không có giá trị pháp lý ràng buộc. Thiếu vắng chuẩn mực pháp lý về "dữ liệu mở và dữ

liệu tin cậy” khiến hệ thống thuế chưa thể tận dụng toàn bộ tiềm năng của công nghệ số trong dự báo và kiểm soát.

Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến *trách nhiệm thuế của nền tảng xuyên biên giới* như YouTube, TikTok, Amazon hoặc Meta vẫn còn bỏ ngõ. Vấn đề “*cơ sở thường trú ảo*” chưa được luật hóa, làm suy giảm khả năng kiểm soát nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp không có hiện diện vật lý tại Việt Nam. Khoảng trống pháp lý này không chỉ ảnh hưởng đến thu ngân sách mà còn làm giảm công bằng thuế giữa doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

(4) *Rủi ro về an ninh, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu*

Chuyển đổi số trong quản lý thuế kéo theo rủi ro lớn về an toàn dữ liệu và an ninh mạng. Dữ liệu thuế chứa khối lượng thông tin tài chính, giao dịch và doanh thu khổng lồ, nhưng nhiều hệ thống hiện vẫn chưa đạt chuẩn an ninh cấp độ cao. Các hình thức tấn công mạng tinh vi như phishing, ransomware hoặc đánh cắp dữ liệu (data breach) có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho niềm tin công chúng.

Ngoài rủi ro kỹ thuật, nhận thức và văn hóa bảo mật của người dùng, đặc biệt là khu vực tư nhân, còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp sử dụng mật khẩu yếu, chia sẻ tài khoản hoặc không có cơ chế sao lưu dữ liệu. Thiếu hệ thống dữ liệu dự phòng và quy trình phục hồi tự động (backup cloud) khiến cơ quan thuế dễ bị tê liệt khi xảy ra sự cố. Đây là thách thức trực tiếp đến tính bền vững của hệ thống thuế điện tử và lòng tin của doanh nghiệp - yếu tố nền tảng cho sự thành công của chuyển đổi số.

(5) *Sự bất bình đẳng số và rào cản tiếp cận công nghệ của khu vực tư nhân*

Chuyển đổi số mang lại cơ hội lớn nhưng cũng làm gia tăng *khoảng cách số* giữa các nhóm doanh nghiệp. Các tập đoàn lớn và doanh nghiệp FDI có lợi thế về tài chính, nhân sự công nghệ và quản trị dữ liệu, trong khi phần lớn doanh nghiệp Việt Nam (trên 90%) là SME hoặc hộ kinh doanh cá thể - nhóm dễ bị “gạt ra bên lề” của tiến trình số hóa. Việc thiếu hạ tầng công nghệ, năng lực nhân sự và nguồn vốn đầu tư khiến họ khó tham gia sâu vào hệ thống thuế điện tử, bị tụt hậu so với doanh nghiệp lớn trong việc tiếp cận và hưởng lợi từ các tiện ích số. Khoảng cách này không chỉ làm giảm tính bao trùm của chuyển đổi số mà còn cản trở mục tiêu *xây dựng hệ sinh thái thuế số toàn diện*, nơi mọi chủ thể đều có năng lực tương tác số cơ bản.

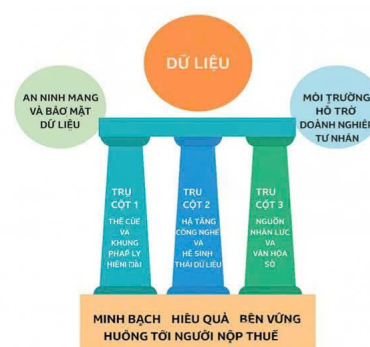
Về lâu dài, nếu không có chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho SME, sự bất bình đẳng này có thể kéo theo hệ lụy: suy giảm niềm tin vào hệ thống thuế điện tử,

giảm hiệu quả thu ngân sách, và tạo ra sự lệch pha trong quản trị tài chính giữa khu vực chính thức và phi chính thức.

3. Khung tiếp cận “Ba trụ cột - Hai điều kiện” chuyển đổi số trong quản lý thuế đối với khu vực tư nhân

Chuyển đổi số trong quản lý thuế không chỉ là đổi mới công nghệ mà là cải cách thể chế và phương thức quản trị dựa trên dữ liệu. Theo hướng tiếp cận này, một hệ sinh thái thuế số toàn diện cần dựa trên ba trụ cột: (1) thể chế - pháp lý; (2) hạ tầng - dữ liệu; (3) nhân lực - văn hóa số, và hai điều kiện bảo đảm là an ninh mạng - bảo mật dữ liệu, cùng môi trường hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân.

Hệ sinh thái quản lý thuế số toàn diện



3.1. Trụ cột 1: Hoàn thiện thể chế và khung pháp lý

Thể chế là nền tảng định hình mọi quy trình quản lý thuế số. Luật Quản lý thuế cần được sửa đổi bổ sung theo hướng công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử, quy định tiêu chuẩn định danh, xác thực và lưu trữ an toàn dữ liệu thuế. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước phải có cơ sở pháp lý ràng buộc, tuân thủ nguyên tắc “một lần khai báo - nhiều lần sử dụng” giúp giảm thủ tục hành chính và hạn chế gian lận thuế.

Cần ban hành cơ chế quản lý thuế đối với nền tảng xuyên biên giới và thương mại điện tử, làm rõ khái niệm “*cơ sở thường trú ảo*” và nghĩa vụ kê khai của các nhà cung cấp quốc tế. Theo OECD (2021), mô hình kết nối dữ liệu thời gian thực tại Singapore, Estonia và Hàn Quốc giúp tăng hơn 20% hiệu quả tuân thủ thuế TMDT; đây là kinh nghiệm quý cho Việt Nam.

Ngoài ra, cần chuẩn hóa quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực thuế. Ngành thuế cần phối hợp với Bộ Công an, Bộ TT&TT để xây dựng chuẩn an ninh thông tin riêng cho hệ thống dữ liệu thuế cấp quốc gia, quy định trách nhiệm rõ ràng khi để xảy ra rò rỉ hoặc xâm nhập dữ liệu.

3.2. Trụ cột 2: Hạ tầng công nghệ và hệ sinh thái dữ liệu

Cần xây dựng *Cơ sở dữ liệu thuế quốc gia tập trung (National Tax Data Hub)* kết nối dữ liệu dân cư, doanh nghiệp, ngân hàng và thương mại điện tử, ứng dụng điện toán đám mây để xử lý tức thời.

Việc triển khai *AI, Big Data, Blockchain* trong phân tích rủi ro, quản lý hóa đơn và dự báo tuân thủ sẽ giúp cơ quan thuế vận hành thông minh hơn. Trước mắt, có thể thí điểm blockchain trong lĩnh vực rủi ro cao như xây dựng, logistics, TMĐT để đảm bảo truy xuất hóa đơn và phát hiện sai phạm nhanh hơn.

Đồng thời, *tăng cường năng lực hạ tầng và bảo mật hệ thống*, bao gồm việc đầu tư trung tâm dữ liệu dự phòng, hệ thống giám sát an ninh mạng 24/7 và cảnh báo sớm tấn công mạng.

Việc chuẩn hóa giao diện eTax và eTax Mobile theo tiêu chuẩn trải nghiệm người dùng (UX) giúp nâng cao khả năng tiếp cận của SMEs. Công thông tin nên tích hợp *trợ lý ảo hướng dẫn thao tác và cổng phản hồi trực tuyến* để người nộp thuế đóng góp ý kiến, phản ánh sự cố - hướng đến mô hình quản trị tương tác.

3.3. Trụ cột 3: Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa số

Công nghệ chỉ phát huy hiệu quả khi con người sẵn sàng. Ngành thuế cần đổi mới chương trình đào tạo theo hướng liên ngành, kết hợp công nghệ thông tin, quản trị dữ liệu và phân tích rủi ro. Mô hình Trung tâm Thuế số tại Cục Thuế có thể làm đầu mối đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Xây dựng đội ngũ chuyên gia dữ liệu thuế (Tax Data Analyst) - tại trung ương và địa phương, phụ trách phân tích, khai thác và xây dựng mô hình rủi ro phục vụ quyết định quản lý. Việc khen thưởng, đánh giá cán bộ nên gắn với kết quả đổi mới sáng tạo và hiệu quả chuyển đổi số.

Đối với khu vực tư nhân, cần đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, sử dụng hóa đơn điện tử, định danh và chữ ký số. Ngành thuế có thể phối hợp VCCI, hiệp hội doanh nghiệp tổ chức chương trình “Doanh nghiệp số - Thuế số”, hình thành mạng lưới chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp.

4. Hai điều kiện đảm bảo

4.1. An ninh mạng và bảo mật dữ liệu

Dữ liệu thuế là tài sản công có giá trị cao, nên an ninh mạng phải được ưu tiên chiến lược. Cần ban hành *chuẩn an toàn thông tin cấp độ 4* cho hệ thống dữ liệu thuế quốc gia, đồng thời thành lập *Trung tâm Giám sát an toàn thông tin ngành Thuế (TSOC)* kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

Triển khai cơ chế sao lưu, phục hồi dữ liệu tự động tại hai trung tâm độc lập (cloud backup), đảm bảo duy trì hoạt động liên tục khi xảy ra sự cố. Định kỳ kiểm thử bảo mật, diễn tập an ninh mạng và đào tạo kỹ năng phòng chống mã độc, lừa đảo giả mạo cho cán bộ và doanh nghiệp.

4.2. Hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân chuyển đổi số

Nhà nước cần ban hành chính sách khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp tư nhân trong chuyển đổi số thuế. Có thể áp dụng cơ chế *khấu trừ chi phí công nghệ thông tin khi tính thuế TNDN*, hỗ trợ phí sử dụng dịch vụ eTax, eInvoice cho SMEs trong 1-2 năm đầu, và khuyến khích ngân hàng, fintech cung cấp dịch vụ tích hợp thanh toán - kê khai thuế trực tuyến.

Các Cơ quan Thuế địa phương nên thành lập *bộ phận hỗ trợ thuế số* để tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật và giải đáp trực tiếp. Công tác truyền thông cần nhấn mạnh thông điệp “Thuế số - đồng hành cùng doanh nghiệp tư nhân phát triển bền vững”, qua các hội thảo, video hướng dẫn và mạng xã hội nhằm tăng niềm tin, tỷ lệ tuân thủ tự nguyện.

5. Kết luận

Chuyển đổi số trong quản lý thuế là xu thế tất yếu trong tiến trình hiện đại hóa nền tài chính công. Việt Nam đã đạt những bước tiến quan trọng trong giai đoạn 2020-2025 nhưng vẫn còn hạn chế về hạ tầng, nhân lực, thể chế và bảo mật dữ liệu. Nghiên cứu này đề xuất khung “Ba trụ cột - Hai điều kiện” như mô hình lý luận và thực tiễn để triển khai đồng bộ, bảo đảm phát triển hài hòa giữa công nghệ, thể chế và con người.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp sẽ giúp Việt Nam tiến tới mô hình Thuế điện tử thông minh, nơi dữ liệu là trung tâm của quản trị, người nộp thuế là đối tác đồng hành, và cơ quan thuế là hạt nhân kiến tạo hệ sinh thái thuế minh bạch, hiệu quả và bền vững. Khung chính sách này không chỉ góp phần cải thiện hiệu quả quản lý thuế mà còn tạo điều kiện thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo:

- International Monetary Fund. (2021). *Tax Administration and Digitalization: Lessons from Advanced and Emerging Economies*. Washington, D.C.: IMF Working Paper No. 21/189.
- Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2021). *Tax Administration 3.0: The Digital Transformation of Tax Administration*. Paris: OECD Publishing.
- World Bank. (2020). *Digital Transformation of Tax Administration in Developing Economies*. Washington, D.C.: World Bank Group.
- Báo Chính phủ. (2024). *Ngành Thuế chuyển đổi số với hệ thống quản lý hiện đại, minh bạch*. Truy cập từ <https://baohinhphu.vn/nganh-thue-chuyen-doi-so-voi-he-thong-quan-ly-hien-dai-minh-bach-102250908202029434.htm>
- Bộ Tài chính. (2022). *Quyết định 1484/QĐ-BTC năm 2022 ngày 27/7/2022 về Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Tài chính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Bộ Tài chính. (2025). *Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong quản lý thuế*. MOF.gov.vn. Bộ Tài chính.
- Chính phủ. (2020a). *Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- Chính phủ. (2020b). *Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ*.
- Kinh tế Việt Nam. (2024). *Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thuế*. Truy cập từ <https://ktvn.net.vn>
- Quốc hội. (2019). *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14*.
- Thời báo Tài chính Việt Nam. (2024). *Ứng dụng công nghệ số nâng cao hiệu quả quản lý thuế*. Truy cập từ <https://thoibaotaichinhvietnam.vn>
- Thư viện Pháp luật. (2025). *Những ứng dụng CNTT hỗ trợ người nộp thuế theo Nghị định 117/2025/NĐ-CP*. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn>
- VietnamPlus. (2024). *Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý thuế*. Truy cập từ <https://vietnamplus.vn>